TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2020
MÔN THI : MÔN 2 (KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH)

Thời Gian: 13H00 - 19/12/2020

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2120715541	Huỳnh Huệ	Anh	K21DLK	02/02/1997	0.0	Không	
2	2121717869	Hà Gia	Bảo	K21DLK	01/01/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
3	2221714166	Phan Ngọc	Bảo	K22DLK	07/12/1997	3.8	Ba Phẩy Tám	
4	2220716608	Lê Nguyễn Quỳnh	Châu	K22DLK	12/11/1998	6.3	Sáu Phẩy Ba	
5	2220716611	Lê Thị Bích	Chi	K22DLK	28/07/1998	8.4	Tám Phẩy Bốn	
6	2221719135	Nguyễn Hữu	Duy	K22DLK	19/12/1996	7.9	Bảy Phẩy Chín	
7	2221716652	Nguyễn Hoàng	Duy	K22DLK	11/07/1998	6.8	Sáu Phẩy Tám	
8	2220716657	Trần Khánh	Duyên	K22DLK	24/10/1998	7.0	Bảy	
9	2221718256	Nguyễn Thanh	Dương	K22DLK	28/05/1998	5.6	Năm Phẩy Sáu	
10	2221716648	Nguyễn Văn	Dưỡng	K22DLK	20/02/1998	6.5	Sáu Phẩy Năm	
11	2121713637	Ngô Quốc	Đạt	K21DLK	16/08/1997	6.0	Sáu	
12	2221724236	Nguyễn Tấn	Đạt	K22DLK	25/05/1998	2.5	Hai Phẩy Năm	
13	2220718723	Khương Nguyễn Cẩm	Hà	K22DLK	17/02/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
14	2220716673	Lê Thị Thu	Hà	K22DLK	18/10/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
15	2221714080	Giang Vương Hoàng	Hải	K22DLK	21/02/1998	6.5	Sáu Phẩy Năm	
16	2220716696	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	K22DLK	05/10/1998	8.0	Tám	
17	2220724341	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	K22DLK	04/06/1997	9.0	Chín	
18	2121713551	Huỳnh Đình	Hiếu	K21DLK	29/01/1997	7.9	Bảy Phẩy Chín	
19	2121715638	Ngô Minh	Hiếu	K21DLK	07/12/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
20	2121716745	Lê Chí	Hòa	K22DLK	17/04/1997	6.0	Sáu	
21	2221865931	Nguyễn Văn	Huấn	K22DLK	15/03/1998	6.3	Sáu Phẩy Ba	
22	2121713526	Hà Huy	Hùng	K21DLK	07/01/1997	5.8	Năm Phẩy Tám	
23	2121166433	Ưng Nguyễn Gia	Huy	K21DLK	26/03/1997	8.0	Tám	
24	2220718278	Hà Minh	Hưng	K22DLK	07/05/1998	8.5	Tám Phẩy Năm	
25	2221716735	Nguyễn Việt	Hưng	K22DLK	20/09/1998	8.5	Tám Phẩy Năm	
26	2220716747	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	K22DLK	18/05/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
27	2220716742	Đỗ Thị Thu	Hương	K22DLK	08/06/1998	7.8	Bảy Phẩy Tám	
28	2220716748	Nguyễn Thị	Hường	K22DLK	10/04/1998	9.0	Chín	
29	2221714117	Lương Kinh	Kha	K22DLK	15/11/1998	8.0	Tám	
30	2220716766	Nguyễn Thị Minh	Khanh	K22DLK	30/10/1998	5.8	Năm Phẩy Tám	
31	2220865951	Trần Lê Bảo	Khanh	K22DLK	03/03/1998	5.9	Năm Phẩy Chín	
32	2220326396	Phan Thị Bảo	Khánh	K22DLK	21/10/1998	8.0	Tám	
33	2220326397	Phan Thị Nhật	Khánh	K22DLK	21/10/1998	8.0	Tám	
34	2121715666	Nguyễn Huỳnh Anh	Khoa	K21DLK	17/05/1997	7.5	Bảy Phẩy Năm	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
35	2221164832	Nguyễn Thành	Khoa	K22DLK	20/05/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
36	2221218899	Hồ Nguyên	Khoa	K22DLK	27/11/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
37	2221716782	Nguyễn Trúc	Lâm	K22DLK	11/08/1998	7.3	Bảy Phẩy Ba	
38	2220718325	Phạm Thị Mỹ	Lệ	K22DLK	12/05/1998	7.0	Bảy	
39	2120713604	Lê Diệu	Linh	K21DLK	02/03/1997	0.0	Không	
40	2220714068	Hoàng Diệp	Linh	K22DLK	08/08/1998	6.3	Sáu Phẩy Ba	
41	2120715694	Nguyễn Thị Thảo	Ly	K22DLK	23/10/1997	8.4	Tám Phẩy Bốn	
42	2220716837	Phan Vũ Huyền	Mai	K22DLK	17/03/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
43	2220716927	Phùng Thảo	Ni	K22DLK	22/04/1998	7.3	Bảy Phẩy Ba	
44	2220714089	Võ Thị	Ngân	K22DLK	18/05/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
45	2220313934	Huỳnh Thị	Ngân	K22DLK	10/01/1998	7.9	Bảy Phẩy Chín	
46	2221716877	Đào Nhựt	Nghi	K22DLK	24/10/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
47	2221716883	Lê Phước	Nghĩa	K22DLK	23/03/1998	7.0	Bảy	
48	2220716884	Phạm Bảo	Ngọc	K22DLK	01/11/1998	6.9	Sáu Phẩy Chín	
49	2220316250	Ngô Thảo	Nguyên	K22DLK	04/11/1998	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
50	2221716892	Dương Tấn Vĩnh	Nguyên	K22DLK	31/12/1998	8.0	Tám	
51	2220718730	Phan Thị Thu	Nhàn	K22DLK	01/11/1998	8.1	Tám Phẩy Một	
52	2220217607	Văn Hạ	Nhi	K22DLK	26/05/1998	7.3	Bảy Phẩy Ba	
53	2220716909	Văn Xuân	Nhi	K22DLK	26/05/1998	7.6	BảyPhẩy Sáu	
54	2210719217	Phan Hoàng	Oanh	K22DLK	27/12/1995	7.5	Bảy Phẩy Năm	
55	2221716937	Nguyễn Văn	Phong	K22DLK	10/11/1997	9.0	Chín	
56	2121713504	Nguyễn Hoàng	Phú	K21DLK	29/06/1997	7.8	Bảy Phẩy Tám	
57	2221714053	Nguyễn Quang	Phúc	K22DLK	29/06/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
58	2220716947	Đỗ Thị Tuyết	Phương	K22DLK	04/10/1997	8.0	Tám	
59	2220727368	Trần Thị Minh	Phương	K22DLK	10/12/1998	7.8	Bảy Phẩy Tám	
60	2220326424	Trương Hà	Phương	K22DLK	01/07/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
61	1921644912	Đoàn Ngọc	Quân	K19DLK	12/07/1994	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
62	2021714912	Phạm Văn	Quốc	K20DLK	22/07/1995	7.0	Bảy	
63	2121715787	Dương Ngọc	Quý	K22DLK	14/09/1997	7.5	Bảy Phẩy Năm	
64	2221719368	Trần Ngọc	Sơn	K22DLK	28/03/1998	7.8	Bảy Phẩy Tám	
65	2220716983	Trương Thị Tuyết	Sương	K22DLK	28/04/1997	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
66	2220716984	Lâm Ngọc Mỹ	Tâm	K22DLK	28/06/1997	7.6	BảyPhẩy Sáu	
67	2121715876	Nguyễn Hữu	Tiến	K21DLK	25/06/1997	7.6	BảyPhẩy Sáu	
68	2221717119	Trần Hoàng	Tuấn	K22DLK	19/08/1998	7.8	Bảy Phẩy Tám	
69	2220714170	Nguyễn Thị	Thành	K22DLK	22/01/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
70	2221718778	Trần Đình Việt	Thảo	K22DLK	10/12/1997	7.3	Bảy Phẩy Ba	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
71	2220718153	Phạm Minh Thanh	Thảo	K22DLK	18/02/1998	7.8	Bảy Phẩy Tám	
72	2221227818	Trần Thanh	Thiện	K22DLK	03/02/1997	8.3	Tám Phẩy Ba	
73	2221717020	Nguyễn Như	Thông	K22DLK	29/08/1998	6.8	Sáu Phẩy Tám	
74	2220717050	Nguyễn Thị Thu	Thủy	K22DLK	01/01/1998	8.0	Tám	
75	2220714168	Lê Trần Hoài Ngọc	Thúy	K22DLK	03/07/1998	6.8	Sáu Phẩy Tám	
76	2220717030	Trần Thị Anh	Thư	K22DLK	08/05/1998	8.0	Tám	
77	2221717035	Đỗ Trường	Thức	K22DLK	18/05/1997	8.3	Tám Phẩy Ba	
78	2220714059	Nguyễn Thị Hoài	Thương	K22DLK	22/02/1998	8.3	Tám Phẩy Ba	
79	2220714125	Nguyễn Thị Hà	Trang	K22DLK	01/10/1998	8.0	Tám	
80	2121114023	Đặng Quý	Trọng	K21DLK	21/06/1997	7.5	Bảy Phẩy Năm	
81	2121213341	Võ Quang	Trường	K22DLK	14/07/1997	7.0	Bảy	
82	2221179591	Lê Nho	Trưởng	K23DLK	28/01/1998	7.0	Bảy	
83	2021626065	Lâm Gia	Vũ	K20DLK	18/08/1995	6.9	Sáu Phẩy Chín	
84	2120715942	Trần Lê Kiều	Xuân	K22DLK	11/04/1997	0.0	Không	
85	2220717187	Huỳnh Thị Hải	Yến	K22DLK	28/10/1998	5.9	Năm Phẩy Chín	
86	2220717198	Nguyễn Thị Lan	Anh	K22PSU-DLK	05/02/1998	7.8	Bảy Phẩy Tám	
87	2220717195	Dương Nguyễn Hiền	Anh	K22PSU-DLK	29/11/1998	7.6	BảyPhẩy Sáu	
88	2221714074	Huỳnh Đức	Anh	K22PSU-DLK	02/01/1998	8.6	Tám Phẩy Sáu	
89	2221717201	Phan Quang	Châu	K22PSU-DLK	21/02/1997	9.1	Chín Phẩy Một	
90	2220716609	Phạm Lê Trân	Châu	K22PSU-DLK	22/10/1998	7.3	Bảy Phẩy Ba	
91	2121713523	Đỗ Trọng	Đức	K21PSU-DLK	21/09/1997	7.0	Bảy	
92	2220717207	Nguyễn Thị Thu	Hà	K22PSU-DLK	11/09/1998	7.6	BảyPhẩy Sáu	
93	2220717218	Trần Lệ Diệu	Linh	K22PSU-DLK	16/10/1998	7.6	BảyPhẩy Sáu	
94	2221724250	Võ Hoài	Linh	K22PSU-DLK	20/12/1998	8.1	Tám Phẩy Một	
95	2220714126	Lê Thị Mỹ	Nguyên	K22PSU-DLK	05/09/1998	8.0	Tám	
96	2221716895	Nguyễn Thảo	Nguyên	K22PSU-DLK	25/05/1998	5.7	Năm Phẩy Bảy	
97	2220328466	Phạm Tuyết	Nhi	K22PSU-DLK	22/03/1998	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
98	2220716906	Nguyễn Thị Yến	Nhi	K22PSU-DLK	25/09/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
99	2220719093	Lê Ánh	Như	K22PSU-DLK	19/12/1998	4.9	Bốn Phẩy Chín	
100	2221125796	Tchang Quân	Phát	K22PSU-DLK	19/12/1998	7.3	Bảy Phẩy Ba	
101	2120213456	Tạ Hoài	Phương	K22PSU-DLK	24/06/1997	7.6	BảyPhẩy Sáu	
102	2220717230	Huỳnh Thị Ngọc	Quyên	K22PSU-DLK	15/07/1998	8.0	Tám	
103	2220718770	Phan Thị Tú	Quyên	K22PSU-DLK	15/03/1998	8.5	Tám Phẩy Năm	
104	1920726075	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	K19PSU-DLK	11/07/1995	8.0	Tám	
105	1921712407	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	K19PSU-DLK	02/10/1994	7.9	Bảy Phẩy Chín	
106	2221718566	Huỳnh Minh	Tuấn	K22PSU-DLK	22/05/1998	0.0	Không	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
107	2221717118	Phan Ngọc Anh	Tuấn	K23PSU-DLK	09/02/1996	7.8	Bảy Phẩy Tám	
108	2220717006	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K23PSU-DLK	31/03/1998	4.9	Bốn Phẩy Chín	
109	2020713822	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K20PSU-DLK	01/05/1996	4.9	Bốn Phẩy Chín	
110	2221724204	Lê Nguyễn	Thiện	K22PSU-DLK	09/01/1998	6.1	Sáu Phẩy Một	
111	2220727434	Lê Hoàng Mai	Vân	K22PSU-DLK	24/12/1996	3.6	Ba Phẩy Sáu	
112	2221717254	Hồ Văn	Vinh	K22PSU-DLK	22/12/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
113	2120719591	Trần Nguyễn Hạ	Vy	K21PSU-DLK	23/06/1997	5.6	Năm Phẩy Sáu	
114	2220717165	Hoàng Thái Tường	Vy	K22PSU-DLK	28/09/1998	4.8	Bốn Phẩy Tám	
115	2220724213	Lê Thị Trâm	Anh	K22DLL	19/01/1997	7.8	Bảy Phẩy Tám	
116	2221727264	Bạch Tiểu	Bảo	K22DLL	19/11/1998	6.0	Sáu	
117	2220247920	Lê Thị Hải	Cơ	K22DLL	06/03/1998	5.8	Năm Phẩy Tám	
118	2221724268	Nguyễn Đức	Duy	K22DLL	11/05/1998	6.3	Sáu Phẩy Ba	
119	2221724321	Nguyễn Văn	Đông	K22DLL	12/08/1998	6.3	Sáu Phẩy Ba	
120	2220724329	Phạm Thương	Hoài	K22DLL	13/05/1998	6.3	Sáu Phẩy Ba	
121	2121717875	Trần Văn	Hoàng	K21DLL	15/12/1997	7.3	Bảy Phẩy Ba	
122	2121725657	Võ Đại	Huy	K21DLL	14/09/1997	6.0	Sáu	
123	2221729413	Trương Văn	Huy	K22DLL	28/04/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
124	2220716758	Trương Thanh	Huyền	K22DLL	25/07/1997	7.0	Bảy	
125	2220727313	Hồ Thị Thanh	Hương	K22DLL	10/03/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
126	2221716767	Hà Bảo	Khánh	K22DLL	17/12/1998	6.0	Sáu	
127	2121717867	Đỗ Hoàng	Nam	K21DLL	07/05/1997	5.8	Năm Phẩy Tám	
128	2221724235	Nguyễn Hùng	Ninh	K22DLL	21/11/1998	7.0	Bảy	
129	2120725763	Hồ Hồng Ni	Nơ	K21DLL	29/08/1997	5.8	Năm Phẩy Tám	
130	2221724218	Phạm Phú	Tâm	K22DLL	18/01/1998	5.8	Năm Phẩy Tám	
131	2221728957	Nguyễn Văn	Thắng	K22DLL	29/04/1998	6.0	Sáu	
132	2221724323	Phạm Nguyễn Hoàng	Thịnh	K22DLL	17/10/1996	4.5	Bốn Phẩy Năm	
133	2220729637	Nguyễn Thị Thúy	Vy	K22DLL	20/03/1998	5.8	Năm Phẩy Tám	
134	2221724195	Lê Văn	Xuân	K22DLL	02/05/1998	8.0	Tám	
135	23265212644	Phạm Hà Nhật	An	D23YDH-B	26/02/1993	8.7	Tám Phẩy Bảy	
136	2226521631	Huỳnh Thúy	An	T22YDH -B	22/02/1994	4.3	Bốn Phẩy Ba	
137	2020524969	Hoàng Nguyễn Hồng	Ân	K20YDH	02/09/1996	5.1	Năm Phẩy Một	
138	2226521305	Huỳnh Huệ	Anh	T22YDH	03/01/1992	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
139	1921524475	Lê Phạm Quốc	Anh	K19YDH	21/08/1992	0.0	Không	
140	2226521845	Bùi Thị Kim	Anh	T22YDH-C	09/09/1991	8.4	Tám Phẩy Bốn	
141	23265212646	Nguyễn Thị Hà	Bắc	D23YDH-B	04/02/1974	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
142	2120526687	Nguyễn Như	Bình	K21YDH	06/02/1997	0.0	Không	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
143	2226521633	Cao Thị	Búp	T22YDH -B	27/02/1986	0.0	Không	
144	2226521822	Nguyễn Thị Hồng	Búp	T22YDH-C	30/07/1996	4.8	Bốn Phẩy Tám	
145	2120529254	Nguyễn Lê Ngọc	Cẩm	K21YDH	29/05/1997	0.0	Không	
146	23275212647	Nguyễn Hựu	Cẩm	D23YDH-B	18/04/1985	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
147	2227521309	Nguyễn Đức	Chánh	T22YDH	14/09/1984	6.1	Sáu Phẩy Một	
148	2227521634	Nguyễn Công Minh	Châu	T22YDH -B	28/04/1991	8.0	Tám	
149	2226521637	Nguyễn Thị Kim	Chi	T22YDH -B	10/03/1992	8.3	Tám Phẩy Ba	
150	2226521824	Mai Thị	Chiến	T22YDH-C	27/01/1979	7.5	Bảy Phẩy Năm	
151	2226521638	Lê Thị	Chung	T22YDH -B	05/03/1994	0.0	Không	
152	2227521825	Nguyễn Mạnh	Công	T22YDH-C	06/11/1973	6.5	Sáu Phẩy Năm	
153	2226521639	Trần Thị Kim	Cúc	T22YDH -B	16/02/1994	5.8	Năm Phẩy Tám	
154	23275212648	Nguyễn Phan Đình	Đảm	D23YDH-B	05/04/1994	7.8	Bảy Phẩy Tám	
155	2226521827	Đoàn Nguyễn Anh	Đào	T22YDH-C	24/08/1988	7.5	Bảy Phẩy Năm	
156	2227521735	Phạm Bá	Đạt	T22YDH -B	18/11/1983	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
157	1921524743	Nguyễn Văn	Đê	K19YDH	26/04/1992	8.1	Tám Phẩy Một	
158	23265212649	Trần Thị	Đề	D23YDH-B	25/02/1992	8.8	Tám Phẩy Tám	
159	2127521843	Quách	Diệu	T21YDH-B	01/01/1964	5.7	Năm Phẩy Bảy	
160	1921524614	Nguyễn Phương	Dung	K19YDH	10/07/1995	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
161	2120524714	Phạm Thị Thùy	Dung	K21YDH	23/09/1997	7.2	Bảy Phẩy Hai	
162	2326521024	Lê Thùy	Dung	D23YDH A	20/05/1994	8.1	Tám Phẩy Một	
163	2226521317	Lê Thị Bội	Dung	T22YDH	20/07/1982	8.3	Tám Phẩy Ba	
164	23265212650	Đặng Phương	Dung	D23YDH-B	09/11/1993	8.5	Tám Phẩy Năm	
165	2226521640	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	T22YDH -B	22/01/1987	7.3	Bảy Phẩy Ba	
166	2226521641	Nguyễn Thị Phương	Dung	T22YDH -B	25/11/1992	7.5	Bảy Phẩy Năm	
167	2226521828	Nguyễn Thị Thu	Dung	T22YDH-C	09/09/1994	7.2	Bảy Phẩy Hai	
168	2221523221	Đỗ Phạm Thành	Dũng	K22YDH	25/08/1982	0.0	Không	
169	2020527178	Phan Thị Thùy	Dương	K20YDH	11/05/1996	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
170	2226521091	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D22YDH A	19/10/1992	7.5	Bảy Phẩy Năm	
171	2226521643	Bùi Thùy	Dương	T22YDH -B	28/04/1995	8.3	Tám Phẩy Ba	
172	2227521642	Ngô Hữu	Dương	T22YDH -B	20/11/1980	7.8	Bảy Phẩy Tám	
173	23275212651	Nguyễn Ngọc	Duy	D23YDH-B	19/10/1994	6.8	Sáu Phẩy Tám	
174	2227521644	Phạm Phương	Duy	T22YDH -B	22/02/1992	9.0	Chín	
175	2227521645	Lê Hoàng	Duy	T22YDH -B	10/09/1993	8.1	Tám Phẩy Một	
176	2226521321	Lê Thùy	Duyên	T22YDH	05/11/1992	4.0	Bốn	
177	2226521646	Nguyễn Thị	Duyên	T22YDH -B	08/10/1991	8.1	Tám Phẩy Một	
178	2326521027	Phạm Thị	Giang	D23YDH A	02/06/1995	7.6	BảyPhẩy Sáu	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
179	2226521647	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Giang	T22YDH -B	24/07/1995	7.9	Bảy Phẩy Chín	
180	2227521648	Nguyễn Văn	Giáp	T22YDH -B	08/11/1985	7.5	Bảy Phẩy Năm	
181	2020523263	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	K20YDH	11/11/1996	7.2	Bảy Phẩy Hai	
182	2226521651	Võ Thị	Hà	T22YDH -B	14/04/1980	7.8	Bảy Phẩy Tám	
183	2226521652	Nguyễn Thị Vi	Hà	T22YDH -B	29/12/1993	8.8	Tám Phẩy Tám	
184	2226521829	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	T22YDH-C	26/01/1996	3.8	Ba Phẩy Tám	
185	2226521302	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	T22YDH	20/02/1993	3.7	Ba Phẩy Bảy	
186	2226521329	Cao Thị Thanh	Hằng	T22YDH	23/07/1994	8.1	Tám Phẩy Một	
187	2226521653	Đỗ Thị Tuyết	Hằng	T22YDH -B	07/09/1992	7.8	Bảy Phẩy Tám	
188	2226521832	Võ Thị	Hằng	T22YDH-C	10/06/1990	8.5	Tám Phẩy Năm	
189	2226521875	Thái Thị Mỹ	Hạnh	T22YDH-C	01/06/1989	8.3	Tám Phẩy Ba	
190	2226521833	Nguyễn Lê Mỹ	Hạnh	T22YDH-C	13/04/1995	7.3	Bảy Phẩy Ba	
191	2227521834	Nguyễn Văn	Hậu	T22YDH-C	21/01/1992	7.8	Bảy Phẩy Tám	
192	2226521506	Phan Thị Thu	Hiền	D22YDH -B	16/07/1995	4.9	Bốn Phẩy Chín	
193	2227521656	Lê Trọng	Hiền	T22YDH -B	01/01/1985	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
194	2226521657	Trần Thị Thu	Hiền	T22YDH -B	20/07/1996	5.7	Năm Phẩy Bảy	
195	2226521658	Phan Nguyễn Thanh	Hiền	T22YDH -B	08/11/1992	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
196	1921528379	Nguyễn Hoàng	Hiệp	K19YDH	19/10/1995	0.0	Không	
197	2226521659	Nguyễn Thị	Hiệp	T22YDH -B	18/11/1981	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
198	1921529745	Đoàn Thanh	Hiếu	K19YDH	15/05/1995	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
199	2127521861	Trần Minh	Hiếu	T21YDH-B	25/02/1994	3.7	Ba Phẩy Bảy	
200	2226521660	Đinh Thị Minh	Hiếu	T22YDH -B	01/01/1994	9.4	ChínPhẩy Bốn	
201	23265212653	Trần Thị	Hoa	D23YDH-B	24/09/1984	6.3	Sáu Phẩy Ba	
202	23265212654	Lê Thị Hồng	Hoa	D23YDH-B	29/03/1994	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
203	2226521661	Lê Thị	Hoa	T22YDH -B	08/06/1995	7.6	BảyPhẩy Sáu	
204	2226521662	Nguyễn Thị	Hòa	T22YDH -B	15/07/1989	8.2	Tám Phẩy Hai	
205	2226521736	Võ Thị Thu	Hồng	T22YDH -B	05/11/1993	5.7	Năm Phẩy Bảy	
206	23265212655	Đặng Thị Hồng	Huệ	D23YDH-B	20/06/1992	7.5	Bảy Phẩy Năm	
207	2326521046	Nguyễn Thị Kim	Hương	D23YDH A	19/06/1995	7.5	Bảy Phẩy Năm	
208	23265212656	Nguyễn Hoàng Lan	Hương	D23YDH-B	25/11/1989	7.1	Bảy Phẩy Một	
209	23265212657	Nguyễn Thị	Hương	D23YDH-B	25/12/1990	8.2	Tám Phẩy Hai	
210	2226521838	Bùi Thị Lan	Hương	T22YDH-C	03/09/1983	6.0	Sáu	
211	2226521878	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	T22YDH-C	12/05/1996	8.5	Tám Phẩy Năm	
212	2226521667	Đỗ Thị	Hương	T22YDH -B	30/11/1976	9.1	Chín Phẩy Một	
213	2226521665	Võ Thị Thu	Hương	T22YDH -B	24/06/1993	6.8	Sáu Phẩy Tám	
214	23265212739	Đặng Thị Lệ	Huyền	D23YDH-B	06/01/1994	8.7	Tám Phẩy Bảy	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
215	2226521353	Nguyễn Thị Thu	Huyền	T22YDH	28/08/1991	6.0	Sáu	
216	2126521867	Châu Thị Thu	Huyền	T22YDH -B	17/10/1993	7.2	Bảy Phẩy Hai	
217	23265212659	Trần Thị Lệ	Huynh	D23YDH-B	09/06/1989	7.0	Bảy	
218	2226521841	Nguyễn Thị	Khê	T22YDH-C	19/10/1991	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
219	2227521668	Đinh Công	Kiên	T22YDH -B	01/01/1985	6.3	Sáu Phẩy Ba	
220	2226521303	Vương Thị Thúy	Kiều	T22YDH	02/01/1995	7.0	Bảy	
221	2226521669	Trần Thị Diễm	Kiều	T22YDH -B	05/12/1985	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
222	2226521670	Nguyễn Thị	Kiều	T22YDH -B	22/08/1987	8.6	Tám Phẩy Sáu	
223	2226521842	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	T22YDH-C	16/10/1995	8.5	Tám Phẩy Năm	
224	23265212661	Nguyễn Thị	Lài	D23YDH-B	01/02/1992	7.0	Bảy	
225	2120524540	Lê Thị Hương	Lan	K21YDH	23/03/1997	2.6	Hai Phẩy Sáu	
226	23265212662	Dương Thị Kim	Lan	D23YDH-B	22/08/1986	7.9	Bảy Phẩy Chín	
227	2226521876	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	T22YDH-C	27/10/1992	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
228	2226521672	Hà Thị Gia	Lăng	T22YDH -B	01/04/1977	6.3	Sáu Phẩy Ba	
229	2120529676	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	K21YDH	01/07/1997	0.0	Không	
230	2226521673	Nguyễn Ngọc	Liên	T22YDH -B	22/04/1995	8.5	Tám Phẩy Năm	
231	2120524484	Nguyễn Trúc	Linh	K21YDH	12/09/1997	8.0	Tám	
232	23265212663	Hoàng Thị Mỹ	Linh	D23YDH-B	29/03/1994	7.6	BảyPhẩy Sáu	
233	2226521674	Võ Thị Diệu	Linh	T22YDH -B	01/01/1973	7.5	Bảy Phẩy Năm	
234	2226521848	Nguyễn Thúy	Linh	T22YDH-C	09/03/1993	8.6	Tám Phẩy Sáu	
235	2226521675	Võ Thị Kim	Loan	T22YDH -B	10/08/1972	7.5	Bảy Phẩy Năm	
236	2121526868	Hồ Sỉ	Long	K21YDH	09/07/1997	5.9	Năm Phẩy Chín	
237	2226521676	Nguyễn Thị	Lương	T22YDH -B	09/09/1989	9.2	Chín Phẩy Hai	
238	2120524520	Trần Thị	Ly	K21YDH	01/04/1997	4.8	Bốn Phẩy Tám	
239	2126521880	Phạm Hương	Ly	T21YDH-B	21/08/1995	5.5	Năm Phẩy Năm	
240	2226521369	Nguyễn Quỳnh	Ly	T22YDH	05/04/1992	5.7	Năm Phẩy Bảy	
241	2226521849	Trần Khánh	Ly	T22YDH-C	02/03/1981	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
242	2226521850	Lê Thị	Lý	T22YDH-C	28/04/1992	7.5	Bảy Phẩy Năm	
243	2027522073	Phan Quỳnh	Mai	T22YDH	20/12/1985	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
244	2226521375	Nguyễn Thị	Mừng	T22YDH -B	15/12/1991	7.0	Bảy	
245	23265212665	Nguyễn Trà	My	D23YDH-B	16/11/1993	6.9	Sáu Phẩy Chín	
246	23265212666	Hoàng Thị Diễm	My	D23YDH-B	14/10/1989	7.9	Bảy Phẩy Chín	
247	2226521677	Cáp Mộng Trà	My	T22YDH -B	23/08/1996	5.6	Năm Phẩy Sáu	
248	2226521678	Đặng Thị Trà	My	T22YDH -B	06/07/1989	6.0	Sáu	
249	23265212667	Nguyễn Việt	Mỹ	D23YDH-B	20/11/1994	8.6	Tám Phẩy Sáu	
250	2227521679	Lê Hữu	Nam	T22YDH -B	04/06/1991	8.2	Tám Phẩy Hai	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
251	2226521531	Lê Thị	Nga	D23YDH A	14/10/1988	7.1	Bảy Phẩy Một	
252	23265212669	Phạm Thị Liên	Nga	D23YDH-B	11/11/1989	7.9	Bảy Phẩy Chín	
253	2226521680	Huỳnh Thị Thanh	Nga	T22YDH -B	05/10/1994	8.3	Tám Phẩy Ba	
254	2226521851	Nguyễn Thị Thanh	Nga	T22YDH-C	22/12/1985	7.8	Bảy Phẩy Tám	
255	2226521869	Dương Nguyễn Bích	Nga	T22YDH-C	19/06/1982	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
256	2226521131	Nguyễn Thị	Ngân	D22YDH A	21/03/1992	8.1	Tám Phẩy Một	
257	2121529518	Võ Huỳnh Hải	Nghĩa	K21YDH	22/02/1996	5.6	Năm Phẩy Sáu	
258	2226521681	Đoàn Trịnh Thúy	Nghĩa	T22YDH -B	06/01/1996	5.8	Năm Phẩy Tám	
259	2120529393	Nguyễn Bích	Ngọc	K21YDH	08/06/1997	6.9	Sáu Phẩy Chín	
260	23265212671	Võ Thị Kim	Ngọc	D23YDH-B	15/06/1994	8.3	Tám Phẩy Ba	
261	2226521682	Trần Thị Kim	Ngọc	T22YDH -B	22/12/1977	6.9	Sáu Phẩy Chín	
262	2226521853	Lê Thị Kim	Ngọc	T22YDH-C	10/12/1990	6.5	Sáu Phẩy Năm	
263	2121529520	Nguyễn Thanh	Nguyên	K21YDH	03/01/1996	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
264	2226521386	Ngô Thị Thảo	Nguyên	T22YDH	21/03/1995	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
265	1921524862	Văn Bá Bình	Nguyên	K19YDH	11/11/1994	3.2	Ba Phẩy Hai	
266	2226521684	Huỳnh Thị Mỹ	Nguyên	T22YDH -B	09/11/1993	2.3	Hai Phẩy Ba	
267	2226521854	Hồ Thị Như	Nguyện	T22YDH-C	19/09/1983	6.0	Sáu	
268	23265212672	Cao Thị Minh	Nguyệt	D23YDH-B	10/06/1994	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
269	2226521855	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	T22YDH-C	18/11/1996	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
270	2226521389	Trần Thị Ý	Nhi	T22YDH	13/09/1995	5.5	Năm Phẩy Năm	
271	2120529357	Phạm Thị Ý	Như	K21YDH	10/11/1997	6.1	Sáu Phẩy Một	
272	2126521901	Phạm Thị Quỳnh	Như	T22YDH -B	17/10/1993	8.6	Tám Phẩy Sáu	
273	2226521686	Trần Đặng Quỳnh	Như	T22YDH -B	21/12/1994	4.8	Bốn Phẩy Tám	
274	2226521688	Lê Trần Ánh	Nhung	T22YDH -B	10/01/1994	5.6	Năm Phẩy Sáu	
275	2226521856	Đỗ Thị Hồng	Nhung	T22YDH-C	13/10/1996	7.3	Bảy Phẩy Ba	
276	2226521687	Ngô Hồng	Nhung	T22YDH -B	13/09/1995	5.6	Năm Phẩy Sáu	
277	2226521690	Thái Thị Kim	Oanh	T22YDH -B	12/03/1993	6.3	Sáu Phẩy Ba	
278	2226521857	Ngô Thị	Oanh	T22YDH-C	01/01/1989	4.9	Bốn Phẩy Chín	
279	2226521691	Phạm Thị Hồng	Phúc	T22YDH -B	25/09/1989	0.0	Không	
280	2226521694	Phạm Thị Như	Phương	T22YDH -B	10/11/1994	6.5	Sáu Phẩy Năm	
281	23265212673	Trần Thị	Phưỡng	D23YDH-B	20/09/1992	8.6	Tám Phẩy Sáu	
282	2226521405	Lê Thị Lập	Phượng	T22YDH	25/07/1994	5.0	Năm	
283	2226521696	Dương Thị Trúc	Quân	T22YDH -B	23/11/1994	4.9	Bốn Phẩy Chín	
284	1920524696	Ngô Xuân	Quang	K19YDH	21/06/1995	3.8	Ba Phẩy Tám	
285	2226521411	Lâm Gia	Quỳnh	T22YDH	30/09/1994	0.0	Không	
286	2226521697	Hồ Thị Thu	Quỳnh	T22YDH -B	02/11/1994	7.9	Bảy Phẩy Chín	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
287	2326521089	Trần Hoa	Sen	D23YDH A	14/09/1994	0.0	Không	
288	23265212676	Đỗ Thị Kim	Sương	D23YDH-B	06/11/1989	8.4	Tám Phẩy Bốn	
289	23265212677	Nguyễn Thị Hà	Tâm	D23YDH-B	26/07/1989	8.8	Tám Phẩy Tám	
290	2226521860	Bùi Nguyễn Minh	Tâm	T22YDH-C	01/01/1995	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
291	2226521699	Trần Thị Thanh	Tâm	T22YDH -B	01/01/1991	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
292	2127521921	Cái Quang	Thắng	T21YDH-B	13/09/1993	3.4	Ba Phẩy Bốn	
293	23265212679	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	D23YDH-B	10/05/1994	7.0	Bảy	
294	23265212680	Phan Thị Xuân	Thanh	D23YDH-B	02/09/1980	7.3	Bảy Phẩy Ba	
295	2226521701	Đỗ Thị Thanh	Thanh	T22YDH-B	15/12/1995	3.2	Ba Phẩy Hai	
296	23275212682	Trần Thái	Thành	D23YDH-B	25/06/1985	6.9	Sáu Phẩy Chín	
297	2226521425	Thái Nguyễn Thanh	Thảo	T22YDH	08/05/1994	3.8	Ba Phẩy Tám	
298	2326521200	Lê Nguyên	Thảo	T23YDH	31/10/1983	9.0	Chín	
299	2121524529	Hồ Nguyên	Thảo	K21YDH	19/02/1997	5.9	Năm Phẩy Chín	
300	23265212683	Trương Lê Phương	Thảo	D23YDH-B	04/01/1991	8.6	Tám Phẩy Sáu	
301	23265212684	Trần Miên	Thảo	D23YDH-B	03/12/1994	8.7	Tám Phẩy Bảy	
302	23265212685	Đặng Thị Phương	Thảo	D23YDH-B	22/03/1991	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
303	23265212686	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D23YDH-B	15/11/1989	5.8	Năm Phẩy Tám	
304	2226521703	Lương Thị Thu	Thảo	T22YDH-B	28/06/1990	7.1	Bảy Phẩy Một	
305	2226521705	Trần Thị Thu	Thảo	T22YDH-B	14/12/1991	7.5	Bảy Phẩy Năm	
306	2226521706	Võ Thị Thu	Thảo	T22YDH-B	27/12/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
307	2226521707	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	T22YDH-B	06/11/1993	8.6	Tám Phẩy Sáu	
308	2226521708	Phan Thị Bích	Thảo	T22YDH-B	11/11/1993	7.6	BảyPhẩy Sáu	
309	2226521709	Bùi Thị Thạch	Thảo	T22YDH-B	21/04/1994	5.8	Năm Phẩy Tám	
310	2226521739	Lê Thị Bích	Thảo	T22YDH -B	13/03/1991	7.3	Bảy Phẩy Ba	
311	2226521862	Nguyễn Thị Thi	Thi	T22YDH-C	30/04/1996	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
312	2226521863	Trần Thị Thu	Thơ	T22YDH-C	08/09/1984	3.1	Ba Phẩy Một	
313	2226521712	Phạm Thị	Thu	T22YDH-B	26/05/1995	6.8	Sáu Phẩy Tám	
314	2120524692	Lê Nguyễn Anh	Thư	K21YDH	21/08/1997	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
315	2226521432	Phan Anh Bội	Thư	T22YDH	20/07/1991	6.8	Sáu Phẩy Tám	
316	2121524833	Nguyễn Tri	Thức	K21YDH	10/09/1997	5.7	Năm Phẩy Bảy	
317	2227521557	Ksơr Y	Thức	D22YDH-B	19/05/1993	3.2	Ba Phẩy Hai	
318	23265212688	Lê Thị Thanh	Thương	D23YDH-B	12/09/1985	6.1	Sáu Phẩy Một	
319	2226521714	Phạm Thị Hoài	Thương	T22YDH -B	08/02/1994	7.6	BảyPhẩy Sáu	
320	2226521167	Nguyễn Diệu	Thúy	D23YDH A	30/10/1992	7.2	Bảy Phẩy Hai	
321	2126521937	Nguyễn Thị	Thúy	T22YDH -B	05/04/1989	8.6	Tám Phẩy Sáu	
322	2226521715	Trương Thùy Diễm	Thúy	T22YDH-B	29/10/1994	6.3	Sáu Phẩy Ba	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
323	2120529117	Dương Thị Lệ	Thủy	K21YDH	30/05/1997	1.5	Một Phẩy Năm	
324	2226521717	Nguyễn Thị	Thủy	T22YDH-B	09/07/1993	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
325	2226521171	Lê Thái Thủy	Tiên	D22YDH A	29/03/1993	3.2	Ba Phẩy Hai	
326	2226521443	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	T22YDH-B	12/11/1993	6.3	Sáu Phẩy Ba	
327	2227521865	Ngô Đắc	Tiến	T22YDH-C	08/08/1984	7.9	Bảy Phẩy Chín	
328	2226521718	Nguyễn Thị	Tình	T22YDH-B	05/05/1988	7.3	Bảy Phẩy Ba	
329	2227521719	Hồ Văn	Toàn	T22YDH-B	14/06/1996	7.1	Bảy Phẩy Một	
330	2327521114	Ngô Lâm	Tới	D23YDH A	20/10/1993	5.9	Năm Phẩy Chín	
331	2226521446	Phạm Thị Diệu	Trâm	T22YDH	03/06/1980	3.5	Ba Phẩy Năm	
332	2226521447	Phan Thị Bích	Trâm	T22YDH	12/05/1995	5.8	Năm Phẩy Tám	
333	2226521866	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	T22YDH-C	06/06/1995	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
334	2226521779	Lê Võ Vân	Trang	D22YDH -C	08/02/1994	0.0	Không	
335	2226521453	Nguyễn Thị Công	Trang	T22YDH	20/07/1993	7.8	Bảy Phẩy Tám	
336	2226521487	Trần Thị Thùy	Trang	T22YDH	19/11/1984	7.6	BảyPhẩy Sáu	
337	1920524440	Vĩnh Bảo Huyền	Trang	K20YDH	10/03/1995	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
338	23265212690	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D23YDH-B	17/06/1993	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
339	23265212691	Phạm Thị Thùy	Trang	D23YDH-B	07/09/1994	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
340	23265212693	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	D23YDH-B	09/06/1994	6.3	Sáu Phẩy Ba	
341	23265212694	Nguyễn Thị Thúy	Trang	D23YDH-B	03/05/1994	8.2	Tám Phẩy Hai	
342	23265212695	Trần Thị Thanh	Trang	D23YDH-B	07/03/1993	8.2	Tám Phẩy Hai	
343	23265212696	Phạm Kiều	Trang	D23YDH-B	21/02/1994	8.5	Tám Phẩy Năm	
344	2226521721	Trần Thị Thiên	Trang	T22YDH-B	25/01/1996	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
345	2226521722	Bùi Thị Thùy	Trang	T22YDH -B	26/09/1976	8.1	Tám Phẩy Một	
346	2226521740	Nguyễn Thị Bích	Trang	T22YDH-B	03/01/1983	7.0	Bảy	
347	2120524497	Nguyễn Thanh	Trinh	K21YDH	21/09/1997	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
348	23275212698	Lê Minh	Tuân	D23YDH-B	05/10/1980	6.0	Sáu	
349	2121524557	Phan Anh	Tuấn	K22YDH	25/11/1997	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
350	2121524562	Nguyễn Hoàng Minh	Tuấn	K21YDH	01/05/1997	0.0	Không	
351	23265212699	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	D23YDH-B	05/06/1993	8.0	Tám	
352	2226521726	Lê Thị Ánh	Tuyết	T22YDH-B	05/10/1994	6.8	Sáu Phẩy Tám	
353	2226521727	Trịnh Thị Hoàng	Uyên	T22YDH-B	26/08/1993	6.2	Sáu Phẩy Hai	
354	2226521871	Lê Nhị	Uyên	T22YDH-C	30/03/1995	8.2	Tám Phẩy Hai	
355	2326521126	Lê Thị Tú	Uyên	D23YDH A	23/11/1994	6.0	Sáu	
356	2226521782	Trần Minh	Vân	D22YDH-C	27/04/1995	0.0	Không	
357	2226521728	Trần Thị Bích	Vân	T22YDH -B	15/11/1979	6.0	Sáu	
358	2227521729	Hồ Thanh	Vân	T22YDH-B	25/02/1980	5.8	Năm Phẩy Tám	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
359	2226521872	Lê Hồng	Vân	T22YDH-C	08/08/1994	6.5	Sáu Phẩy Năm	
360	2226521879	Nguyễn Thị	Vân	T22YDH-C	02/09/1981	6.8	Sáu Phẩy Tám	
361	23265212701	Võ Thị Diệu	Vang	D23YDH-B	25/03/1994	9.0	Chín	
362	2226521730	Huỳnh Thị Ngọc	Vi	T22YDH-B	08/09/1995	7.2	Bảy Phẩy Hai	
363	2226521731	Phạm Thị Thanh	Vinh	T22YDH-B	05/07/1963	5.8	Năm Phẩy Tám	
364	2126521961	Nguyễn Thị	Vương	T22YDH-B	10/01/1988	7.5	Bảy Phẩy Năm	
365	2226521874	Đỗ Thị Lê	Vy	T22YDH-C	02/11/1990	6.3	Sáu Phẩy Ba	
366	2227521474	Võ Viết	Xuân	T22YDH	08/02/1993	6.9	Sáu Phẩy Chín	
367	2226521733	Đặng Thị Như	Ý	T22YDH-B	22/07/1995	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
368	2226521734	Võ Thị Thanh	Yên	T22YDH -B	02/10/1996	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
369	23265212702	Trần Thị	Yến	D23YDH-B	10/01/1994	8.3	Tám Phẩy Ba	
370	2220217732	Đặng Thái	Anh	K22PSU-QTH	21/05/1996	7.6	BảyPhẩy Sáu	
371	2221214465	Nguyễn Tài Hùng	Anh	K22PSU-QTH	11/09/1998	8.0	Tám	
372	2221217731	Nguyễn Trọng	Anh	K22PSU-QTH	24/03/1997	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
373	2221219331	Phạm Phú	Huy	K22PSU-QTH	11/09/1998	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
374	2220214404	Nguyễn Diệu	Linh	K22PSU-QTH	27/03/1998	6.5	Sáu Phẩy Năm	
375	2220214417	Phạm Bảo	Nguyên	K22PSU-QTH	02/04/1998	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
376	2220218125	Phan Thị Kim	Oanh	K22PSU-QTH	15/12/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
377	2121216908	Võ Hữu	Phong	K21PSU-QTH	06/09/1997	6.1	Sáu Phẩy Một	
378	2221219248	Trần Nguyễn Văn	Phước	K22PSU-QTH	27/03/1998	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
379	1921219682	Nguyễn	Thoãn	K19PSU-QTH	05/12/1994	6.5	Sáu Phẩy Năm	
380	2120219073	Dương Thị Hồng	Trang	K21PSU-QTH	23/11/1995	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
381	2120218665	Nguyễn Thị Bích	Trâm	K21PSU-QTH	01/03/1996	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
382	2021250924	Trương Đình	Long	K20KKT	19/05/1996	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
383	2121253852	Lê Kim	Minh	K21KKT	03/10/1997	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
384	2221125578	Phạm Hoàng	Anh	K22KKT	20/12/1998	7.6	BảyPhẩy Sáu	
385	2220255222	Trần Thị Thùy	Giang	K22KKT	31/01/1998	8.1	Tám Phẩy Một	
386	2220716674	Phan Thị Thanh	Hà	K22KKT	12/02/1998	8.0	Tám	
387	2220255227	Lê Thị Lệ	Hằng	K22KKT	23/08/1998	8.2	Tám Phẩy Hai	
388	2220253336	Đặng Thị Cẩm	Ngân	K22KKT	06/01/1998	8.0	Tám	
389	2221255274	Võ Ngọc Hoàn	Phong	K22KKT	02/02/1998	6.2	Sáu Phẩy Hai	
390	2220255290	Nguyễn Thị Anh	Tâm	K22KKT	29/12/1998	5.6	Năm Phẩy Sáu	
391	2221259631	Trần Lương Hoàng	Trân	K22KKT	07/04/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
392	2220253331	Huỳnh Mỹ	Hạnh	K23KKT	11/04/1998	7.6	BảyPhẩy Sáu	
393	2220255306	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	K23KKT	25/09/1998	6.0	Sáu	
394	23262612709	Phan Thị Xuân	Thanh	D23KDNB	02/02/1996	6.7	Sáu Phẩy Bảy	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
395	2110217151	Trần Thị Hoàng	Anh	K21KDN	07/02/1996	6.5	Sáu Phẩy Năm	
396	2120257559	Nguyễn Thị Lan	Hương	K21KDN	09/07/1997	8.4	Tám Phẩy Bốn	
397	2120253832	Võ Thị Thảo	Nhung	K21KDN	13/09/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
398	2120253797	Nguyễn Hoàn Phương	Uyên	K21KDN	10/09/1997	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
399	2221265374	Lê Quốc	Hoàn	K22KDN	15/01/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
400	2220265406	Trần Yến	Nhi	K22KDN	17/02/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
401	2220265407	Đỗ Thị Phương	Nhi	K22KDN	02/08/1998	3.4	Ba Phẩy Bốn	
402	2221265456	Phan Lê Huy	Tự	K22KDN	15/08/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
403	2220265434	Lưu Thị Hoài	Thu	K22KDN	11/07/1997	6.9	Sáu Phẩy Chín	
404	2220265436	Đặng Hồng Khánh	Thư	K22KDN	13/09/1998	4.2	Bốn Phẩy Hai	
405	2220265459	Đặng Thị Thúy	Vi	K22KDN	13/08/1995	5.7	Năm Phẩy Bảy	
406	2220265462	Trần Thị Hải	Yến	K22KDN	29/05/1998	6.2	Sáu Phẩy Hai	
407	2221868732	Hoàng Công Tuấn	Anh	K22LKT	11/07/1998	7.0	Bảy	
408	2220863874	Nguyễn Phạm Minh	Châu	K22LKT	16/02/1998	7.1	Bảy Phẩy Một	
409	2120867598	Nguyễn Thị Trang	Điểm	K22LKT	20/08/1997	8.8	Tám Phẩy Tám	
410	2221868734	Trần Văn	Đức	K22LKT	17/02/1998	9.3	Chín Phẩy Ba	
411	2120359807	Nguyễn Trần Kim	Huệ	K21LKT	12/12/1997	9.5	Chín Phẩy Năm	
412	2221868947	Lê	Kiên	K22LKT	16/06/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
413	2220868118	Trần Thị Mỹ	Lịch	K22LKT	11/01/1998	8.6	Tám Phẩy Sáu	
414	2221348013	Trịnh Từ Hoàng	Long	K22LKT	12/06/1998	8.5	Tám Phẩy Năm	
415	2120869266	Mai Thảo	Nguyên	K22LKT	10/08/1997	8.3	Tám Phẩy Ba	
416	2220866076	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	K22LKT	01/01/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
417	2220866090	Nguyễn Thị Anh	Thư	K22LKT	10/11/1998	8.0	Tám	
418	2220866133	Đồng Thị Ngọc	Tú	K22LKT	01/01/1998	7.8	Bảy Phẩy Tám	
419	2221866132	Nguyễn Đình Minh	Tú	K22LKT	19/01/1998	9.3	Chín Phẩy Ba	
420	2220866136	Nguyễn Phương Tú	Uyên	K22LKT	15/01/1998	8.8	Tám Phẩy Tám	
421	2121867584	Trương Công Tuấn	Vũ	K22LKT	14/07/1997	8.0	Tám	
422	2220866152	Trần Thị Lệ	Xuân	K22LKT	16/12/1998	7.8	Bảy Phẩy Tám	
423	2221218621	Nguyễn Văn	An	K22QTH	25/08/1998	0.0	Không	
424	2220218793	Hồ Thị Minh	Anh	K22QTH	24/09/1998	6.8	Sáu Phẩy Tám	
425	2120217641	Nguyễn Thị Vân	Anh	K21QTH	05/07/1997	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
426	2121219885	Võ Duy	Chánh	K21QTH	23/01/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
427	2220217468	Bùi Thị Tú	Châu	K22QTH	17/04/1998	1.9	Một Phẩy Chín	
428	2221248744	Nguyễn Minh	Chiến	K22QTH	03/12/1998	6.0	Sáu	
429	2221247921	Phạm Như	Cường	K22QTH	28/12/1997	4.1	Bốn Phẩy Một	
430	2121213427	Phạm Huy	Cường	K22QTH	02/05/1997	7.4	Bảy Phẩy Bốn	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
431	2221247922	Trương Văn	Đại	K22QTH	01/01/1998	8.3	Tám Phẩy Ba	
432	2221514983	Lê Văn	Danh	K22QTH	28/01/1998	4.5	Bốn Phẩy Năm	
433	2221244570	Cao Tiến	Đạt	K22QTH	23/10/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
434	2220219677	Nguyễn Thị	Diễm	K22QTH	23/01/1998	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
435	2220217487	Hồ Thị	Dung	K22QTH	06/07/1998	4.0	Bốn	
436	2221217489	Nguyễn Trần Trí	Dũng	K22QTH	20/11/1998	3.8	Ba Phẩy Tám	
437	2221218208	Lê Anh	Duy	K22QTH	22/08/1998	6.9	Sáu Phẩy Chín	
438	2220219370	Nguyễn Xuân Mỹ	Duyên	K22QTH	25/05/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
439	2221217506	Lê Hoàng	Hải	K22QTH	30/03/1998	5.8	Năm Phẩy Tám	
440	2220217523	Bùi Thị Bích	Hoài	K22QTH	17/02/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
441	2221217528	Lê Đình	Hoàng	K22QTH	25/07/1998	5.8	Năm Phẩy Tám	
442	2121215434	Phan Viết	Hùng	K21QTH	26/10/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
443	2020214548	Đặng Vũ Như	Huyền	K21QTH	08/01/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
444	2221123581	Đoàn Quốc	Khánh	K22QTH	02/09/1998	5.6	Năm Phẩy Sáu	
445	2221219682	Trần Nguyên	Khánh	K22QTH	23/04/1998	1.8	Một Phẩy Tám	
446	2221218430	Nguyễn Lê	Khoa	K22QTH	10/06/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
447	2121867595	Phạm Tùng	Lâm	K22QTH	20/09/1997	5.6	Năm Phẩy Sáu	
448	2121217932	Nguyễn Thành	Long	K21QTH	12/11/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
449	2221869244	Vi Văn	Long	K22QTH	01/02/1998	3.9	Ba Phẩy Chín	
450	2121213411	Nguyễn Văn	Mẫn	K22QTH	28/05/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
451	2221217575	Nguyễn Văn	Mạnh	K22QTH	18/01/1998	1.8	Một Phẩy Tám	
452	2221219672	Võ Đình	Mau	K22QTH	07/07/1998	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
453	2220219091	Phan Thị Hoài	My	K22QTH	21/01/1998	5.8	Năm Phẩy Tám	
454	2220214377	Nguyễn Thị Thu	Mỹ	K22QTH	14/10/1998	0.0	Không	
455	2121715714	Nguyễn Thành	Nam	K21QTH	18/04/1997	2.4	Hai Phẩy Bốn	
456	2226211590	Đào Kim	Ngân	D22QTHB	06/08/1994	0.0	Không	
457	2221217598	Hồ Thanh	Nguyên	K22QTH	24/02/1997	5.8	Năm Phẩy Tám	
458	2221217596	Trương Văn	Nguyên	K22QTH	04/03/1998	2.3	Hai Phẩy Ba	
459	2220718297	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	K22QTH	12/09/1998	3.9	Ba Phẩy Chín	
460	2121215478	Đặng Duy	Phú	K22QTH	22/06/1997	0.0	Không	
461	2221217633	Trần Duy	Quốc	K22QTH	02/11/1998	1.8	Một Phẩy Tám	
462	2220214428	Nguyễn Thúy	Quỳnh	K22QTH	04/02/1998	3.4	Ba Phẩy Bốn	
463	2220214391	Phan Thị Như	Quỳnh	K22QTH	01/10/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
464	2220217635	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	K22QTH	20/06/1998	7.0	Bảy	
465	2221218950	Lương Chí	Thạnh	K22QTH	28/10/1998	5.6	Năm Phẩy Sáu	
466	2220214546	Đinh Phương	Thảo	K22QTH	15/05/1998	6.0	Sáu	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
467	2120218508	Phan Thị Thu	Đầm	K21QTH	01/11/1997	1.4	Một Phẩy Bốn	
468	2120219270	Nguyễn Hoàng Kim	Tiên	K22QTH	22/12/1996	6.9	Sáu Phẩy Chín	
469	2221217699	Đặng Thành	Trung	K22QTH	20/09/1998	3.0	Ba	
470	2120719194	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	K21QTH	23/03/1997	3.0	Ba	
471	2120218328	Võ Thị Ánh	Tuyết	K21QTH	28/04/1997	6.1	Sáu Phẩy Một	
472	2220714107	Phạm Thị Thu	Uyên	K22QTH	12/01/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
473	2121117106	Nguyễn Thanh	Văn	K22QTH	22/07/1997	4.3	Bốn Phẩy Ba	
474	2120218330	Võ Thị Thúy	Vi	K21QTH	27/10/1997	5.5	Năm Phẩy Năm	
475	2220214541	Phan Thị Tường	Vi	K22QTH	05/03/1998	4.3	Bốn Phẩy Ba	
476	2220217719	Nguyễn Thị Duyên	Vũ	K22QTH	03/10/1998	3.1	Ba Phẩy Một	
477	2221326476	Nguyễn Minh	Vương	K22QTH	26/01/1998	3.5	Ba Phẩy Năm	
478	2220337972	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	K22VBC	21/07/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
479	2220339446	Nguyễn Gia	Hân	K22VBC	11/12/1997	7.5	Bảy Phẩy Năm	
480	2220337993	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	K22VBC	02/03/1998	6.5	Sáu Phẩy Năm	
481	2221227831	Trần Quốc	Triệu	K22VBC	17/07/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
482	2221338001	Hoàng Xuân	Trung	K22VBC	01/12/1997	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
483	2120337506	Lê Thị Ái	Vân	K22VBC	12/04/1997	8.4	Tám Phẩy Bốn	
484	2220716604	Phan Vũ Quỳnh	Châu	K22VHD	15/12/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
485	2021713799	Phạm Phú Trường	An	K21VQH	18/11/1996	7.5	Bảy Phẩy Năm	
486	2221316165	Trần Phương	Anh	K22VQH	28/12/1998	6.8	Sáu Phẩy Tám	
487	2221265347	Hoàng Công	Anh	K22VQH	06/09/1998	5.8	Năm Phẩy Tám	
488	2221356481	Hồ Viết	Bảo	K22VQH	23/06/1998	7.0	Bảy	
489	2120357850	Hán Thị	Dung	K21VQH	20/11/1997	6.5	Sáu Phẩy Năm	
490	2220316201	Nguyễn Thị Kim	Hòa	K22VQH	13/06/1998	7.0	Bảy	
491	2220326399	Lê Thị	Kiều	K22VQH	19/02/1998	8.3	Tám Phẩy Ba	
492	2220724228	Nguyễn Thị	Linh	K22VQH	27/07/1998	8.8	Tám Phẩy Tám	
493	2220356498	Phan Thị Thảo	Nguyên	K22VQH	23/12/1998	6.0	Sáu	
494	2220354017	Nguyễn Tuyết	Nhi	K22VQH	11/11/1998	7.5	Bảy Phẩy Năm	
495	2220356501	Nguyễn Thị Phương	Nhi	K22VQH	09/06/1998	5.8	Năm Phẩy Tám	
496	2220356503	Nguyễn Thị Thảo	Phương	K22VQH	15/05/1997	4.3	Bốn Phẩy Ba	
497	2221356504	Trương Bửu	Quốc	K22VQH	09/12/1998	6.0	Sáu	
498	2221356506	Hà Đức	Thái	K22VQH	17/09/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
499	2020345467	Lê Thị Phương	Thảo	K20VQH	17/08/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
500	2020355523	Đoàn Thị Ngọc	Thảo	K20VQH	10/04/1996	8.0	Tám	
501	2220714058	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	K22VQH	09/01/1998	5.5	Năm Phẩy Năm	
502	2220356517	Nguyễn Thanh	Tú	K22VQH	16/05/1998	8.8	Tám Phẩy Tám	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
503	**2220356519**	Võ Thị Mỹ	**Ý**	K22VQH	29/10/1998	**6.5**	**Sáu Phẩy Năm**	
504	**2120357848**	Nguyễn Thị Hoàng	**Yến**	K21VQH	01/08/1995	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
505	**2220354021**	Nguyễn Thị Hải	**Yến**	K22VQH	23/12/1998	**5.8**	**Năm Phẩy Tám**	